

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 12 - 2021

V/v ly hôn giữa chị H và anh K

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2021/DS/ST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1998; nơi cư trú: TDP B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trung K, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H và anh K vắng mặt (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung K kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 07 tháng 03 năm 2019. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc. Từ tháng 02/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung K.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị H1 là mẹ đẻ anh Trần Trung K trình bày: Vợ chồng anh Trần Trung K và chị Phạm Thị H có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 03/2019 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng gia đình bà, trong cuộc sống vợ chồng có những điều không hợp nhau nên xảy ra va chạm cãi nhau. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 2/2021 đến nay, gia đình bà đã nhiều lần khuyên bảo anh chị nhưng chị H vẫn không về. Việc chị H có đơn xin ly hôn anh K là do anh chị quyết định.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị H xin ly hôn anh K và các thông báo của Tòa án gửi cho anh K, bà đã thông báo cho anh K biết nhưng do công việc anh K không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn. Anh K cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị H thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn: Anh K vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Trung K; Về con chung: Vợ chồng không có con chung; Về tài sản, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Trung K.

Chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Trung K kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 03 năm 2019, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Từ tháng 02/2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; Do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung K.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Trung K đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Trung K.

2. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0001869 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Chị Phạm Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trần Trung K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu